TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:01/2020/DS-ST
Ngày 14-01-2020
V/v tranh chấp về hợp đồng bảo lãnh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Bình;

Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLST- DS ngày 14 tháng 02 năm 2019, về việc: "Tranh chấp về hợp đồng bảo lãnh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST- DS ngày 29 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: G6/2D (Số30) ấp Hiệp L, xã Hiệp T, huyện Hòa Th, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp Cao S, xã Long Gi, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1966. Địa chỉ: 549, ấp 2, xã Trà V, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 197 (số nhà cũ 105/3B) tổ 12, ấp Trường G, xã Trường T, huyện Hòa Th, tỉnh Tây Ninh.

Bà L, có mặt; chị Nh, vắng mặt; bà M và bà Ph, có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Mối quan hệ quen biết giữa bà và bà Huỳnh Thị M, đến ngày 23- 6- 2016 chị Nh có hỏi bà để vay tiền, nhưng bà không đủ tiền và điện thoại cho bà M hỏi cho chị Nh vay số tiền 300.000.000 đồng để trả nợ đáo hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà M đồng ý, bà và bà Ph, chị Nh có đến nhà gặp bà M để nhận tiền, chị Nh có viết giấy mượn tiền 300.000.000 đồng ký tên, tại đó bà và bà Nguyễn Thị Ph ký tên người bão lãnh, chị Nh nói miệng 10 ngày sẽ thanh toán lại số tiền trên cho bà M. Khi đến hẹn, chị Nh không trả lánh mặt, nên bà M yêu cầu bà trả nợ thay chị Nh số tiền gốc 300.000.000 đồng. Đến ngày 03- 8- 2016 bà M đến nhà yêu cầu bà trả tiền thay do bão lãnh chị Nh, khi trả bà không yêu cầu bà Ph người bảo lãnh liên đới trả, nên bà tự nguyện trả cho bà M số tiền gốc 300.000.000 đồng và bà M có ký tên giấy biên nhận, đã nhận đủ số tiền trên và giao lại giấy mượn tiền ngày 23- 6- 2016 giữa bà M đối với chị Nh cho bà cất giữ để cung cấp chứng cứ khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay, bà yêu cầu chị Nh trả số tiền gốc 300.000.000 đồng, không yêu cầu chị Nh trả tiền lãi trên số tiền gốc. Về chi phí giám định bà tự nguyện chịu. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Nh: Sau khi thụ lý Tòa án đã tống đạt, niêm yết giấy triệu tập, thông báo thụ lý, niêm yết thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo hòa giải Nh lần đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị Nh không chấp hành theo giấy triệu tập, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia hòa giải. Nên Tòa án tiến hành đưa ra xét xử vắng mặt chị Nh theo đúng quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M trình bày:

Bà và bà L có mối quan hệ làm ăn chung từ năm 2015. Đến ngày 23- 6- 2016, bà L có điện thoại cho bà hỏi để chị Nh vay số tiền 300.000.000 đồng để trả nợ đáo hạn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Bến Cầu, bà đồng ý. Bà L, bà Ph và chị Nh đến nhà nhận tiền và chị Nh có viết giấy mượn tiền của số tiền gốc 300.000.000 đồng ký tên, tại đó bà yêu cầu bà L, bà Ph ký

tên người bảo lãnh trong giấy mượn tiền, khi vay không thế chấp tài sản, thỏa thuận lãi suất bằng miệng, nhưng không nói lãi suất bao nhiêu, hẹn 3 ngày chị Nh sẽ trả số tiền gốc, lãi. Khi đến hẹn, chị Nh không trả, lánh mặt. Đến ngày 03- 8- 2016 bà đến nhà bà L để yêu cầu bà L trả nợ cho chị Nh do bà L bảo lãnh, thì bà L có trả cho bà số tiền gốc 300.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận đã nhận đủ số tiền trên, ký tên và giao lại giấy mượn tiền ngày 23- 6- 2016 giữa bà đối với chị Nh cho bà L cất giữ để khởi kiện. Đến nay, giữa bà và chị Nh không còn nợ số tiền nào khác.

Bà M xin không tham gia đối chất, hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Ngày 23 - 6 - 2016 bà đi cùng bà L, chị Nh đến nhà bà Huỳnh Thị M để chị Nh hỏi vay của bà M số tiền 300.000.000 đồng trả nợ đáo hạn Ngân hàng. Đến 10 ngày sau, chị Nh có giao cho bà L số tiền 200.000.000 đồng để bà L đến nhà giao lại cho bà M, còn việc chị Nh giao tiền cho bà L có làm giấy tờ gì hay không, thì bà không biết.

Bà Ph không tham gia đối chất, hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không làm ảnh hưởng đến bản chất nội dung vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn là chị Nh đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia hòa giải, đối chất để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Bà M, bà Ph có đơn xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh, bà M và bà Ph theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là không vi phạm về tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 361; Điều 365; Điều 367; Điều 371 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc chị Nguyễn Thị Nh trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền gốc 300.000.000 đồng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo pháp luật quy định. Bà L không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện chịu số tiền 2.040.000 đồng, nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng bảo lãnh. Bị đơn chị Nguyễn Thị Nh có địa chỉ: ấp Cao Su, xã Long Giang, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị Nh được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt. Bà M, bà Ph có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa ra xét xử vắng mặt chị Nh, bà M và bà Ph theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 23- 6- 2016 bà L, bà Ph và chị Nh có đến nhà bà Huỳnh Thị M, tại đó chị Nh gặp bà M vay số tiền 300.000.000 đồng để trả nợ đáo hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, chị Nh viết giấy mượn tiền ký tên, bà L và bà Ph ký tên người bảo lãnh, giao giấy mượn tiền cho bà M cất giữ. Đến hẹn, chị Nh lánh mặt, không có thiện chí và khả năng trả nợ, đến ngày 03- 8- 2016 bà L người bảo lãnh đã trả nợ thay chị Nh cho bà M số tiền 300.000.000 đồng, bà M có ký tên giấy biên nhận, đã nhận đủ tiền xong và giao lại giấy mượn tiền ngày 23- 6- 2016 cho bà L cất giữ, để khởi kiện chị Nh. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu chị Nguyễn Thị Nh trả lại số tiền gốc 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền gốc. Chị Nh vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Qua thu thập chứng cứ lời khai của bà M, bà L cung cấp giấy biên nhận tiền ngày 03- 8- 2016 giữa bà L đối với bà M đã xác định, bà L đã trả tiền vay của chị Nh cho bà M số tiền 300.000.000 đồng, bà M đã nhận đủ tiền xong, nên giữa bà M và chị Nh không còn nợ tiền vay đối với giấy nợ ngày 23- 6- 2016, do bà L đã trả thay cho chị Nh.

[4] Tại kết luận giám định số 1492/KL-KTHS của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh ngày 16- 10-2019 kết luận: Chữ viết mang tên Nguyễn

Thị Nh trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết của Nguyễn Thị Nh trên tài liệu mẫu (ký hiệu M01 đến M04) do cùng một người viết ra. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận“ Giấy mượn tiền” ngày 23- 6- 2016 do chị Nguyễn Thị Nh là người viết ra.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L thì thấy rằng: Giấy mượn tiền ngày 23- 6- 2016 giữa bà M cho chị Nh vay, bà L và bà Ph người bảo lãnh ký tên là có thật, nhưng không có thỏa thuận, cam kết người bảo lãnh trả nợ thay, nhưng bà L đã tự nguyện trả nợ thay chị Nh cho bà M số tiền gốc 300.000.000 đồng, trong giấy mượn tiền ngày 23- 6- 2016 giữa bà M đối với chị Nh, bà L và bà Ph đã chấm dứt, vì đã thực hiện việc bảo lãnh xong. Do đó, bà L yêu cầu chị Nh trả số tiền gốc 300.000.000 đồng là có cơ sở.

[6] Việc bà Nguyễn Thị Ph trình bày cho rằng, chị Nh có giao cho bà L số tiền 200.000.000 đồng để bà L đến nhà giao lại cho bà M, chị Nh giao tiền cho bà L có làm giấy tờ gì hay không, thì bà không biết. Bà L cho rằng bà Ph trình bày không đúng sự thật, do bà L và bà Ph có mâu thuẫn nhau từ việc tranh chấp vay nợ và bà Ph là bên phải thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành. Xét thấy, chị Nh không hợp tác, không đến Tòa án để trình bày ý kiến và đưa ra chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình. Mặc khác, bà L trình bày là có căn cứ xác định giữa bà L đại diện bên được thi hành án và bà Ph là bên phải thi hành án trong cùng vụ việc ở tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trước khi tranh chấp, bà Ph từ chối tham gia đối chất. Do đó, lời khai của bà Ph không đảm bảo tính khách quan, nên không có cơ sở chị Nh có giao cho bà L số tiền 200.000.000 đồng để bà L đến nhà giao lại cho bà M.

[7] Xét về liên đới thực hiện việc bảo lãnh: Trong giấy mượn tiền ngày 23- 6- 2016, bà L và bà Ph ký tên bảo lãnh, nhưng không có thỏa thuận nghĩa vụ thay cho chị Nh, nhưng bà L đã tự nguyện trả nợ thay chị Nh cho bà M số tiền gốc 300.000.000 đồng. Do đó, bà L yêu cầu chị Nh trả lại số tiền gốc 300.000.000 đồng, không yêu cầu bà Ph người cùng bảo lãnh liên đới, nên ghi nhận.

[8] Từ các nhận định trên, có cơ sở buộc chị Nguyễn Thị Nh trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 300.000.000 đồng. Ghi nhận, bà L không yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền gốc.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và các căn cứ nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L đối với chị Nguyễn Thị Nh. Buộc chị Nh trả cho bà L số tiền gốc 300.000.000 đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận, nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Nh phải chịu số tiền 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Nghĩa vụ chịu chi phí giám định: Bà L nộp tạm ứng chi phí giám định số tiền 2.040.000 đồng, bà tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 63; Điều 147; Khoản 1 Điều 161; Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 361; Điều 365; Điều 367; Điều 371 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L đối với chị Nguyễn Thị Nh. Buộc chị Nh trả cho bà L số tiền gốc 300.000.000(ba trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Nh không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị Nh, còn phải trả cho bà L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 15.000.000 (M lăm triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà L số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0021832 ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Nghĩa vụ chịu chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện chịu số tiền 2.040.000 (hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn) đồng, đã nộp và thanh toán xong.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà L có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Chị Nh, bà M và bà Ph có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H. Bến Cầu;
- THADS H. Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu tập án, hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

NGUYỄN HOÀNG MAI